

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SÂN CHIM VÀM HỒ TỈNH BẾN TRE ĐẾN NĂM 2022

Ngô An¹, Phan Thanh Âu², Nguyễn Thị Diễm Tuyết³

^{1, 2, 3}Trường Đại học Văn Hiến

¹ ann@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 5/6/2018; Ngày duyệt đăng: 7/8/2018

Tóm tắt

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sân chim Vàm Hồ, tỉnh Bến Tre có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển du lịch sinh thái (DLST) do tính đa dạng sinh học (ĐDSH), có nhiều loài chim hoang dã với số lượng cá thể lớn tập trung về đây cư trú, làm tổ và sinh sản. Tuy nhiên, việc khai thác du lịch tại đây vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có do chưa có chiến lược phát triển phù hợp. Trên cơ sở các tư liệu liên quan đã công bố, phỏng vấn chuyên gia và khảo sát thực tế của nhóm tác giả, bài viết tập trung đánh giá tiềm năng, phân tích thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái và đề xuất Chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Khu bảo tồn thiên nhiên sân chim Vàm Hồ tỉnh Bến Tre đến năm 2022.

Từ khóa: Sân chim Vàm Hồ, du lịch sinh thái, du lịch Bến Tre, chiến lược phát triển du lịch sinh thái

Ecotourism development strategy in Vam Ho Bird Sanctuary Natural Reserve in Ben Tre Province until 2022

Abstract

Vam Ho bird sanctuary Natural Reserve (NR), Ben Tre province have many potential and opportunities to develop ecotourism due to its rich biodiversity, many wild birds with large populations. These wild birds are concentrated in this habitat, nesting, and breeding. However, the exploitation of ecotourism here is not commensurate with the existing potential, mainly spontaneous. Based on the literature related to Vam Ho bird sanctuary published, experiences and field surveys of the authors, potential assessment articles, analysis of the factors affecting the development of ecotourism, proposed Ecotourism development strategy in Vam Ho bird sanctuary NR in Ben Tre Province until 2022.

Keywords: Vam Ho bird sanctuary, ecotourism, Ben Tre tourism, ecotourism development strategy

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, du lịch sinh thái đã nhận được sự quan tâm đáng kể, trào lưu du lịch sinh thái đã và đang dấy lên ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với những người có nhu cầu tham quan du lịch và nghỉ dưỡng. Ngoài ý nghĩa góp phần bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và văn hóa cộng đồng, du lịch sinh thái đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội tăng thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho quốc gia cũng như cộng đồng người dân các địa phương, nhất là người dân ở các vùng sâu, vùng xa nơi có các khu bảo tồn thiên nhiên và

các cảnh quan hấp dẫn.

Bến Tre là tỉnh có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển du lịch sinh thái (DLST), Tại tỉnh có Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Sân chim Vàm Hồ thuộc xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, cách thành phố Hồ Chí Minh 120km. Năm 2001, Bến Tre đưa sân chim Vàm Hồ vào khai thác du lịch theo hướng phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, quá trình khai thác du lịch đã làm lượng chim sụt giảm, sân chim ngưng khai thác du lịch, đóng cửa rừng để phục hồi đàn chim. Nhưng cho đến nay việc phát triển của loại hình DLST ở khu BTTN này còn gặp rất nhiều khó khăn, tiềm năng DLST chưa được phát huy đúng mức và nhất là chưa có định hướng chiến

lược phát triển phù hợp. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng các chiến lược và đề xuất các giải pháp để phát triển DLST ở khu BTTN Sân chim Vàm Hồ cho tương xứng với tiềm năng trong bối cảnh hiện nay là rất cần thiết. Đề tài nghiên cứu “Chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Khu bảo tồn thiên nhiên sân chim Vàm Hồ tỉnh Bến Tre đến năm 2022” được thực hiện với mục đích nêu trên, nhằm góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch sinh thái của vùng đất Ba Tri - Bến Tre nói riêng và du lịch sinh thái tại Việt Nam nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận để phát triển du lịch Khu BTTN Sân chim Vàm Hồ

2.1.1. Điều kiện và tiềm năng phát triển du lịch tại Khu BTTN Sân chim Vàm Hồ

Khu BTTN sân chim Vàm Hồ thuộc xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, cách thành phố Hồ Chí Minh 120km. Từ thành phố Bến Tre theo đường tỉnh 885, đến thị trấn Ba Tri rồi rẽ về ngã Tân Xuân là đến Vàm Hồ, đoạn đường dài khoảng 52 km. Sân chim Vàm Hồ là hệ sinh thái đặc sắc, tiêu biểu cho rừng ngập mặn ven biển cửa sông Cửu Long. Năm 2007, diện tích rừng có chim làm tổ khoảng 20 ha, năm 2008 có hơn 30 ha trong tổng số 42 ha rừng bảo tồn. Tháng 08/2009, tỉnh Bến Tre thực hiện dự án mở rộng sân chim Vàm Hồ thêm 20 ha, nâng diện tích khu bảo tồn sân chim lên 67 ha. Việc mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh nở cho lượng chim về ngày một nhiều. (TTXT du lịch Bến Tre, 2016).

Tài nguyên du lịch sinh thái: Theo phân loại của Phạm Trung Lương (2002: tr. 44-45), khu BTTN sân chim Vàm Hồ có các loại tài nguyên du lịch với nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái như sau:

Sân chim: Tại khu BTTN sân chim Vàm Hồ có đến 84 loài chim, thuộc 35 họ và 12 bộ, trong đó có cò quắm cánh xanh (*Pseudibis davisoni*), cò ruồi (*Ardeola ibis coromandus*), cò trắng (*Egretta garzetta intermedia*), vạc (*Nycticorax nycticorax*) chiếm đông hơn cả. Thú hoang có chồn đên, chồn cáo,... Loài bò sát có rắn hổ, trăn, kỳ đà, rùa... Bên trong vườn chim là hệ thống kênh rạch chằng chịt như mạng nhện nên tôm, cá rất nhiều và là nguồn thức ăn phong phú cho các loài chim ở đây. Vườn chim Vàm Hồ là một hệ sinh thái đặc sắc ở vùng cửa sông ven

biển, tiêu biểu cho vùng ngập mặn cửa sông Cửu Long. Với điều kiện tự nhiên môi trường thích hợp, các loài chim, loài thú đã hội tụ về đây ngày càng nhiều tạo nên sự đa dạng sinh học rất đặc trưng của sân chim (Châu Quang Thông, 2016).

Cảnh quan: Khu vực vàm Hồ với tên gọi khác Cù Lao lá được biết đến cách đây khoảng 130 năm (trước năm 1887), là vùng ngập mặn theo mùa, đây là một trong những vùng đất phù sa thấp nhiễm mặn của Bến Tre (Sở VH-TT-DL Bến Tre, 2016: tr.2). Cảnh quan của Khu BTTN là sự kết hợp tổng thể các thành phần tự nhiên, trong đó cả về địa hình, lớp phủ thực vật, sông nước (sông Ba Lai) tạo nên sự hấp dẫn đặc sắc sân chim Vàm Hồ tỉnh Bến Tre.

Miệt vườn: Nông trại gắn liền với khu BTTN có khu vườn chuyên canh trồng cây ăn quả với nhiều loại khác nhau tạo hệ sinh thái nông nghiệp miệt vườn, rất hấp dẫn khách du lịch. Phát triển du lịch gắn liền với miệt vườn vừa có ý nghĩa về sinh thái đồng thời cũng mang đậm văn hoá bản địa (sông, nước, cây ăn quả miền Tây Nam bộ).

Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực du lịch

Nhà nghỉ: Dạng nhà nghỉ tập thể, gồm 2 phòng có sức chứa tối đa 15 người/ phòng thích hợp với khách đoàn. Đối tượng chủ yếu là nhà nghiên cứu, học tập, công tác.

Phương tiện di chuyển: Trong khu du lịch chủ yếu là đi bộ tham quan tham gia các trò chơi giải trí. Ngoài ra còn có một số phương tiện khác để di chuyển trong khu du lịch: Xe đạp, xích lô, đi ghe, thuyền. Nhưng để phục vụ mục đích ngắm chim Vàm Hồ từ trên cao kết hợp phòng chống cháy rừng, cần có đài quan sát nhìn bao quát cả sân chim Vàm Hồ.

Nguồn nhân lực phục vụ du lịch: Bao gồm cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, nhân viên và các hộ dân sống kế cận khu BTTN (tham gia dưới các hình thức bán quà lưu niệm, dẫn đường, bảo vệ, chăm sóc cảnh quan và hướng dẫn viên). Nhân viên phục vụ chủ yếu là người dân địa phương có những hạn chế về nghiệp vụ nhưng luôn nhiệt tình tiếp đón, giúp đỡ du khách.

Các tuyến tham quan

Tuyến tham quan cảnh quan và sân chim Vàm Hồ: được bố trí trong phân khu phục hồi sinh thái, tuyên bắt đầu từ Nhà khách khu BTTN dọc theo đường đê sông Ba Lai đến Đài quan

sát, cự ly tuyến khoảng 800 m. Thời điểm thích hợp tham quan sân chim Vàm Hồ là vào sáng sớm hoặc chiều khoảng sau 17h. Ở đây có rất nhiều loại chim khác nhau: Chim sẻ, vạc, bìm bịp, sơn ca, bói cá lùn,...

Tuyến tham quan vườn trái cây, hái hoa quả: Được bố trí trong khu vực nông trại, nơi đây có một số cây hoa quả: Bưởi, thanh long, ổi, mít... Tuyến bắt đầu từ Nhà khách khu BTTN dọc theo đường đê sông Ba Lai theo hướng công Vàm Hồ, cự ly tuyến khoảng 400 m. Du khách có thể hái và thưởng thức tại chỗ cũng có thể mua về làm quà du lịch, ngoài ra còn có nhiều trò chơi tại đây.

2.1.2. Quá trình phát triển du lịch sinh thái

Năm 2001, Bến Tre đưa sân chim Vàm Hồ vào khai thác du lịch theo hướng phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, quá trình khai thác du lịch đã làm lượng chim sụt giảm sân chim ngưng khai thác du lịch, đóng cửa rừng để phục hồi đàn chim. Từ năm 2011 Công ty TNHH du lịch sinh thái Hải Vân đã thuê lại Khu nông trại để khai thác tiềm năng du lịch cũng như bảo vệ sinh thái nơi đây. Hiện tại khu du lịch được chia thành hai phân khu: (1) Sân chim Vàm Hồ do huyện Ba Tri trực tiếp quản lý; (2) Nông trại khu BTTN thuộc quản lý và khai thác du lịch của Công ty du lịch Hải Vân. Số lượng khách du lịch đến KBTTN qua các năm bình quân 2.000 lượt /năm, tập trung mùa chim về tháng 4-10 âm lịch (TTXT du lịch Bến Tre, 2016).

Ngày 29/12/1997, UBND tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 2409/QĐ-UB thành lập Khu BTTN sân chim Vàm Hồ với tổng diện tích 67,6 ha. Ngày 21/12/1998, tỉnh ra Quyết định 2179/QĐ-UB, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu BTTN sân chim Vàm Hồ. Khu BTTN được đánh giá là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, cho đến nay việc phát triển của loại hình DLST ở khu BTTN này còn gặp rất nhiều khó khăn, tiềm năng DLST chưa được phát huy đúng mức và nhất là chưa có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

Qua sự tìm hiểu một số các nghiên cứu xây dựng chiến lược DLST đã công bố (TRC, 2008: tr.35-42); (Lê Huy Bá và cộng sự, 2016: tr.354-374); (Nguyễn Trọng Nhân và Lê Thông, 2011:tr. 20-23), cho thấy sự phân tích các yếu tố ảnh hưởng theo phương pháp định tính, chưa lượng hoá được mức độ ảnh hưởng cũng như

mức độ hấp dẫn của khu du lịch, nên cơ sở để xuất chiến lược còn nhiều hạn chế. Do đó, để xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Khu BTTN sân chim Vàm Hồ phù hợp hơn và có tính khả thi, nghiên cứu này được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích các đặc điểm tự nhiên, tiềm năng phát triển DLST, áp dụng các phương pháp nhằm lượng hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái ở khu BTTN sân chim Vàm Hồ và tham khảo các nghiên cứu có liên quan đã công bố Phạm Xuân Lan (2015); Nguyễn Ngọc Quang (2009); Phạm Trung Lương (2002); IUCN Việt Nam và SIDA (2008); Ngô Thanh Vũ (2013).

2.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Dữ liệu thứ cấp: Những tài liệu được công bố rộng rãi như sách, báo, tạp chí khoa học, các báo cáo của các tổ chức có liên quan, những đề tài nghiên cứu có liên quan, internet...

Dữ liệu sơ cấp: Bao gồm kết quả khảo sát trực tiếp tại thực địa và phỏng vấn thông qua bảng hỏi với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Đối tượng phỏng vấn bao gồm khách tham quan du lịch (120 phiếu/120 người), cộng đồng địa phương (40 phiếu/40 người), ý kiến của ban quản lý Khu BTTN sân chim Vàm Hồ (3 phiếu/3 người). Ngoài ra, để thu thập ý kiến đánh giá về mức độ hấp dẫn của khu du lịch và chọn chiến lược phát triển phù hợp cho Khu BTTN đã phỏng vấn, thảo luận nhóm với 10 chuyên gia có liên quan. Thời gian thực hiện từ tháng 6-7/2016.

2.2.2 Phương pháp phân tích

Phương pháp hệ thống, phân tích, tổng hợp, thống kê và so sánh các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn nhằm phân tích tình hình hoạt động và đánh giá tác động của môi trường kinh tế, xã hội, tự nhiên đến khu BTTN.

Phương pháp phân tích, hoạch định thông qua việc sử dụng các công cụ ma trận: Ma trận các yếu tố bên ngoài (External Factors Effects-EFE), ma trận các yếu tố bên trong (Internal Factors Effects-IFE), ma trận SWOT, ma trận QSPM (Quantitative Strategic Planning Matrix- Ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng) (Phạm Xuân Lan, 2015: tr. 10-20).

Phương pháp lựa chọn chiến lược thay thế từ ma trận SWOT: Áp dụng ma trận QSPM trong

trường hợp ma trận S/O, S/T, W/O hay W/T đưa ra nhiều chiến lược (Phạm Xuân Lan, 2015: tr. 10-12).

Sử dụng các phương pháp phân tích, suy luận, tổng hợp để đề xuất các giải pháp phù hợp cho việc thực hiện các chiến lược phát triển đã được lựa chọn.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Nghiên cứu đã sử dụng phần mềm SPSS để phân tích thực trạng tại khu BTTN sần chim Vàm Hồ thông qua kết quả điều tra đối với khách du lịch và cộng đồng địa phương. Ngoài ra, còn sử dụng phần mềm Excel để tính toán giá trị của những yếu tố thu thập được từ kết quả khảo sát ý kiến các chuyên gia.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Triển vọng phát triển du lịch sinh thái ở khu BTTN sần chim Vàm Hồ qua ý kiến các bên liên quan

3.1.1. Đánh giá của khách du lịch

Kết quả phỏng vấn bằng phiếu câu hỏi của 120 du khách đến khu BTTN cho thấy:

Vị trí địa lý dễ tiếp cận: Khu BTTN sần chim Vàm Hồ nằm trong khu vực miền Tây nam bộ chính vì vậy khách du lịch tại đây hầu hết là các du khách bản địa và các khu vực lân cận. Các khách du lịch ở các khu vực xa hơn vẫn chưa biết nhiều về khu du lịch đặc biệt là lực lượng du khách nước ngoài. Vì là khu du lịch khá gần, khách du lịch tới đây có thể đi về trong ngày nên dịp đến khu du lịch chủ yếu tập trung vào cuối tuần (53%). Ngoài ra vào dịp nghỉ hè, các gia đình cũng tạo cơ hội cho con cái được về quê tìm hiểu văn hoá. Vì vậy đây cũng là một dịp để tạo điều kiện tới với khu du lịch sinh thái này (29%).

Điểm thu hút nhất của khu du lịch chính là tham quan khu BTTN sần chim Vàm Hồ (38%), tìm hiểu động, thực vật rừng (23%), thưởng thức các món ăn đặc sản của vùng Bến Tre (19%).

Cảnh quan thiên nhiên cũng được đánh giá cao và là một trong những yếu tố thu hút khách du lịch. Sau khi tham quan, khách du lịch khẳng định 96% trung bình trở lên trong đó rất tốt chiếm 55%. Sự đa dạng sinh thái nơi đây cũng được đánh giá cao với 100% đạt mức trung bình trở lên với 67% khẳng định là tốt.

Về sản phẩm du lịch: Hoạt động vui chơi, giải trí với những trò chơi đặc trưng của miền tây (đi ghe, cầu khỉ, các trò chơi dân gian đậm

chất miền Tây) đem lại những giây phút sáng khoái, thư giãn được 66% khách du lịch đánh giá tốt.

Sự chuyên nghiệp của hướng dẫn viên, nhân viên: Hướng dẫn viên ở khu du lịch chủ yếu là người dân địa phương, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ nhưng luôn nhiệt tình giúp đỡ khi cần thiết. Vì vậy 95% đánh giá đạt mức trung bình trở lên trong đó 59% là mức trung bình

Nhà nghỉ: 34% khách du lịch ở lại đánh giá nhà nghỉ ở đây còn kém. Do mới được đưa vào khai thác nên còn hạn chế về cơ sở vật chất, nhân lực cũng như ý tưởng nên dịch vụ ở đây còn khá hạn chế.

Thức ăn, đồ uống: 88% đánh giá đạt trung bình trở lên, đồ ăn chủ yếu là những món ăn đặc trưng nhất của miền tây.

An ninh - an toàn: 78% đánh giá là trung bình trở lên. Khu du lịch khá hoang sơ nên cần chú ý an toàn nhất là khi đi vào rừng.

Về ý định quay trở lại khu BTTN, có đến 53% chắc chắn sẽ quay lại đây để thăm quan khu du lịch, 36% khách tham quan du lịch còn do dự trong dự định ghé lại thăm quan khu du lịch. Mức độ hài lòng của du khách, kết quả phỏng vấn cho thấy 65% khách du lịch hài lòng với khu du lịch sinh thái (được đánh giá cả về mặt cảnh quan và con người, dịch vụ nơi đây).

3.1.2. Đánh giá của cộng đồng

Kết quả phỏng vấn bằng phiếu câu hỏi của 40 chủ hộ tham gia vào hoạt động du lịch ở khu BTTN như sau:

Về đóng góp của khu du lịch, kết quả phỏng vấn người dân địa phương cho thấy khu du lịch góp phần tích cực vào việc bảo tồn thiên nhiên (40%), bảo vệ môi trường sống của người dân (26,7%), phát triển kinh tế công cộng (23,3%).

Về tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, khu BTTN rất có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái cũng như mô hình du lịch nông trại (46,7% đánh giá rất khả quan, 30% đánh giá khả quan).

Về điểm cần cải thiện tại khu du lịch, kết quả phỏng vấn với 33,3% nhận định cần cải thiện điều kiện ăn ở; 26,7% cần cải thiện cơ sở vật chất-hạ tầng; 23,3% cần cải thiện dịch vụ.

Loại hình tham gia, người dân tại đây tham gia dưới các hình thức khác nhau: Bảo vệ, chăm sóc cảnh quan 33,4%, quà lưu niệm 20%, dẫn đường 16,7%, nhà nghỉ 3,3%, hướng dẫn viên

26,7%.

Điểm cần cải thiện tại khu du lịch: Sống ở khu vực khu du lịch cũng như hàng ngày được trải nghiệm các dịch vụ nơi đây, những điểm cần cải thiện trong khu du lịch: 33,3% nhận định cần cải thiện điều kiện ăn ở, 26,7% nhận định cần cải thiện cơ sở vật chất- hạ tầng, 23,3% cần cải thiện dịch vụ.

3.1.3. Đánh giá của chuyên gia, BQL khu BTTN

Tiềm năng du lịch sinh thái rất lớn: Giàu đa dạng sinh học, nhiều loại động, thực vật rừng, nhất là các loài chim. Cảnh quan thiên nhiên còn hoang sơ. Ngoài ra còn có miệt vườn với các loài cây trồng nông nghiệp đặc sản của địa phương.

Sân chim Vàm Hồ nằm trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh: Đây là một trong các khu du lịch trọng điểm của tỉnh Bến Tre.

Nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương: Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động du lịch ở khu BTTN chủ yếu là người dân địa phương. Nhiều hộ dân địa phương rất mong muốn được tham gia phục vụ các hoạt động du lịch.

Các sản phẩm dịch vụ mang đặc trưng miền Tây: Nhiều món ăn đặc trưng của miền Tây Nam bộ, các trò chơi dân gian: Cầu khi, chèo ghe, thuyền... tận hưởng cảm giác hòa mình với thiên nhiên.

3.2. Đề xuất các chiến lược và giải pháp phát triển DLST tại sân chim Vàm Hồ

3.2.1. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch sinh thái ở khu BTTN sân chim Vàm Hồ

3.2.1.1. Các yếu tố bên ngoài (EFE) ảnh hưởng đến hoạt động du lịch ở khu BTTN sân chim Vàm Hồ

Xác định các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến khu BTTN sân chim Vàm Hồ

Kết quả khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến chuyên gia và phỏng vấn BQL Khu BTTN, các yếu tố bên ngoài (cơ hội và những ảnh hưởng bất lợi) ảnh hưởng đến hoạt động du lịch sinh thái tại khu BTTN sân chim Vàm Hồ được tổng hợp như sau:

Những cơ hội (Opportunities-O)

Việt Nam là điểm đến an toàn và hấp dẫn: So với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới và trong khu vực, Việt Nam là một điểm đến an toàn với nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Du lịch sinh thái ngày càng thu hút du khách: Khuynh hướng du khách trong nước và quốc tế ngày càng quan tâm đến các loại hình du lịch mới, ít có tác động đến môi trường sinh thái. Đây là cơ hội để phát triển DLST ở Khu BTTN sân chim Vàm Hồ.

Sự phát triển khoa học công nghệ: Sự phát triển không ngừng của nền kinh tế tri thức dẫn đến khoa học công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi và hiệu quả trong mọi lĩnh vực trong đó có du lịch, đặc biệt công nghệ thông tin truyền thông.

Hấp dẫn các dự án đầu tư du lịch của cá nhân và tổ chức: Khu BTTN sân chim Vàm Hồ là một địa điểm du lịch mới, còn hoang sơ, vị trí dễ tiếp cận, gần các đô thị lớn, tiềm năng phát triển DLST còn rất lớn.

Nhận thức và đời sống của người dân ngày càng được nâng cao: Nhờ sự tham gia vào các hoạt động du lịch, nhận thức và đời sống người dân địa phương được nâng cao, tạo sự đồng thuận và hỗ trợ nhiệt tình giúp DLST sẽ phát triển tốt hơn.

Những ảnh hưởng bất lợi (Threats-T)

Ảnh hưởng của môi trường khu vực: Chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là biến đổi khí hậu. Triều cường, mực nước biển dâng, những dị thường của khí hậu sẽ tác động trực tiếp lên cảnh quan thiên nhiên, động, thực vật, gây khó khăn tới hoạt động du lịch của Khu BTTN. Hoạt động các khu công nghiệp lân cận chưa được quản lý chặt chẽ trong việc xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường cục bộ cũng là mối đe dọa đối với điểm du lịch.

Nguồn tài nguyên suy giảm: Quá trình khai thác du lịch đã làm lượng chim sụt giảm. Việc khai thác du lịch trở lại ở Khu BTTN, nếu không có biện pháp phòng ngừa phù hợp, lượng chim sụt giảm trở lại là có thể.

Khả năng cháy rừng: Ở khu vực sân chim và vùng kế cận có nhiều loài thực vật tạo sinh cảnh thích hợp cho rất nhiều loài chim làm tổ và sinh sản nhưng cũng là nơi phát sinh nhiều vật liệu khô rất dễ bắt lửa gây cháy rừng nhất là vào mùa khô.

Văn hoá bản địa mất đi: Các hoạt động kinh tế-xã hội vùng kế cận thiếu kiểm soát không những sẽ làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, giá trị đa dạng sinh học mà những nét truyền thống văn hoá bản địa cũng sẽ bị tác

động có thể mất đi.

Sự cạnh tranh về du lịch sinh thái các tỉnh lân cận: Những yếu tố cạnh tranh nội địa (giữa các địa phương ở ĐBSCL) về DLST ngày càng gay gắt, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sân chim Vàm Hồ.

Ma trận các yếu tố bên ngoài (EFE)

Ma trận các yếu tố bên ngoài (EFE) được xây dựng trên cơ sở 10 yếu tố bên ngoài (O,T) có tác động đến hoạt động DLST của khu du lịch. Kết quả tổng hợp căn cứ vào mức độ quan trọng (trọng số) và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài, tổng số điểm hấp dẫn của khu BTTN sân chim Vàm Hồ là 2,56 (cao hơn mức trung bình 2,5). Kết quả này cho thấy mức độ tận dụng tốt các cơ hội hiện có cũng như tối thiểu hoá những ảnh hưởng bất lợi bên ngoài ở mức trung bình.

3.2.1.2. Các yếu tố bên trong (IFE) ảnh hưởng đến du lịch tại khu BTTN sân chim Vàm Hồ

Xác định các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến khu BTTN sân chim Vàm Hồ

Kết quả khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến chuyên gia và phỏng vấn BQL KHu BTTN, các yếu tố bên trong (điểm mạnh và điểm yếu) ảnh hưởng đến hoạt động du lịch sinh thái tại khu BTTN sân chim Vàm Hồ được tổng hợp như sau:

Những điểm mạnh (Strengths-S)

Tiềm năng du lịch sinh thái rất lớn: Tại đây giàu đa dạng sinh học, nhiều loại động, thực vật rừng, nhất là các loài chim. Cảnh quan thiên nhiên còn hoang sơ. Ngoài ra còn có miệt vườn với các loài cây trồng nông nghiệp đặc sản của địa phương.

Sân chim Vàm Hồ nằm trong quy hoạch phát triển của tỉnh: Đây là một trong các khu du lịch trọng điểm của tỉnh Bến Tre. Hiện nay tỉnh đã đưa về cho UBND huyện Ba Tri trực tiếp quản lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, nâng cao tiềm năng đầu tư và khai thác một cách hợp lý với nguồn tài nguyên sẵn có.

Nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương: Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động du lịch ở khu BTTN, bao gồm cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ chủ yếu là người dân địa phương. Một số nhân viên đang được đưa đi đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kiến thức về phát triển du lịch sinh thái ở các Viện, Trường.

Bên cạnh đó còn có nhiều hộ dân địa phương rất mong muốn được tham gia phục vụ các hoạt động du lịch.

Các sản phẩm dịch vụ mang đặc trưng miền Tây: Nhiều món ăn đặc trưng của miền Tây Nam bộ, các trò chơi dân gian: Cầu khi, chèo ghe, thuyền... tận hưởng cảm giác hòa mình với thiên nhiên.

Những điểm yếu (Weaknesses-W)

Chất lượng nhân lực làm du lịch còn yếu: Lực lượng lao động chủ yếu là người dân địa phương, chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kiến thức về phát triển du lịch sinh thái.

Trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn yếu kém: Hệ thống cơ sở lưu trú còn hạn chế rất nhiều về cả quy mô, tiện nghi, phong cách sản phẩm còn mang tính chất nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, vận hành còn chưa chuyên nghiệp.

Các sản phẩm dịch vụ còn chưa phong phú, thiếu đa dạng: Các hoạt động tại khu du lịch chưa đủ để giữ chân khách du lịch. Thông thường các hoạt động ở đây chỉ chiếm thời gian khoảng 3 – 6 giờ trong ngày. Quà lưu niệm không hấp dẫn khách du lịch, còn quá nghèo nàn, cần cải thiện.

Công tác truyền thông chưa được quan tâm: Cần đẩy mạnh những hoạt động tuyên truyền, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch sân thái. Khu du lịch mới dừng lại ở việc quảng bá hình ảnh chung, chưa tạo được tiếng vang và sức hấp dẫn riêng với đặc trưng du lịch nơi đây.

Vốn đầu tư còn hạn chế: Các nguồn đầu tư và ý tưởng phát triển khu du lịch còn hạn chế. Hiện tại việc đầu tư chủ yếu từ các công ty du lịch của địa phương.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ còn chưa tốt: Nhất là công nghệ thông tin trong quảng bá, quản lý du lịch, công nghệ xử lý và truyền thông môi trường.

Ma trận các yếu tố bên trong (IFE)

Ma trận các yếu tố bên trong (IFE) xây dựng trên cơ sở 10 yếu tố bên trong (S,W). Kết quả tổng hợp căn cứ vào mức độ quan trọng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong, cho thấy khu du lịch sinh thái sân chim Vàm Hồ với tổng số điểm hấp dẫn là 2,55 (cao hơn mức trung bình 2,5). Do đó, cần phải phát huy hơn nữa những điểm mạnh đã có đồng thời đưa ra những biện pháp khắc phục điểm yếu ảnh hưởng đến sự phát triển của khu du lịch (Bảng 1).

Bảng 1. Bảng ma trận EFE và IFE

	Trọng số	Mức độ ảnh hưởng	Tổng số điểm hấp dẫn
Các yếu tố bên ngoài (EF)			
- Những cơ hội (O)	0,57	2,6	1,46
- Những ảnh hưởng bất lợi (T)	0,44	2,5	1,10
Tổng cộng	1,0		2,56
Các yếu tố bên trong (IF)			
- Những điểm mạnh (S)	0,42	3,5	1,49
- Những điểm yếu (W)	0,58	1,8	1,06
Tổng cộng	1,0		2,55

Bảng 2. Bảng ma trận SWOT về chiến lược phát triển DLST Khu BTTN sân chim Vàm Hồ

SWOT	Cơ hội (O) 1. Việt Nam là điểm đến an toàn và hấp dẫn 2. Du lịch sinh thái ngày càng thu hút du khách 3. Sự phát triển khoa học công nghệ 4. Các dự án đầu tư du lịch của cá nhân và tổ chức 5. Nhận thức và đời sống của người dân ngày càng được nâng cao	Nguy cơ (T) 1. Ảnh hưởng tới môi trường 2. Nguồn tài nguyên suy giảm 3. Khả năng cháy rừng 4. Văn hoá bản địa mất đi 5. Sự cạnh tranh về du lịch sinh thái các tỉnh
Điểm mạnh (S) 1. Tiềm năng du lịch sinh thái rất lớn 2. Sân chim Vàm Hồ nằm trong quy hoạch phát triển của tỉnh 3. Nguồn nhân lực sẵn có 4. Các sản phẩm dịch vụ mang đặc trưng miền Tây	Chiến lược kết hợp SO S(1,2,3,4) + O(1,2,4,5): Chiến lược phát triển du lịch thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá loại hình sản phẩm dịch vụ du lịch	Chiến lược kết hợp ST S(2,3,4) + T (1,2,3): Chiến lược quy hoạch tổng thể khu du lịch sinh thái
Điểm yếu (W) 1. Chất lượng nhân lực làm du lịch còn thiếu 2. Trang thiết bị phục vụ du lịch còn yếu kém 3. Các sản phẩm dịch vụ còn chưa phong phú, thiếu đa dạng 4. Công tác truyền thông chưa được quan tâm 5. Vốn đầu tư còn hạn chế 6. Việc ứng dụng khoa học công nghệ chưa tốt	Chiến lược kết hợp WO W(2,5) + O (3,4): Chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng – kĩ thuật W(3,4,6) + O(2,3,5): Chiến lược giới thiệu quảng bá hình ảnh khu du lịch sinh thái	Chiến lược kết hợp WT W(1,6) + T(1,2,5): Chiến lược phát triển nguồn nhân lực W(1,3,4) + T(4,5): Chiến lược liên kết với công ty du lịch khác nhằm phát triển các tour du lịch.

3.2.2. Phân tích ma trận SWOT và đề xuất chiến lược

Qua đánh giá tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài cũng như thực trạng phát triển DLST của khu BTTN sân chim Vàm Hồ, các chiến lược phát triển DLST được đề xuất thông qua bảng ma trận SWOT như sau (Bảng 2):

Chiến lược 1: Nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá loại hình sản phẩm dịch vụ du lịch.

Chiến lược 2: Quy hoạch tổng thể khu du lịch sinh thái.

Chiến lược 3: Phát triển cơ sở hạ tầng – kỹ thuật.

Chiến lược 4: Giới thiệu, quảng bá hình ảnh khu du lịch sinh thái.

Chiến lược 5: Phát triển nguồn nhân lực.

Chiến lược 6: Liên kết với công ty du lịch khác phát triển các tour du lịch.

3.2.3. Lựa chọn chiến lược thông qua ma

trận định lượng QSPM

Do nguồn lực của Công ty là có hạn nên không thể cùng lúc triển khai tất cả các nhóm chiến lược được đề xuất từ ma trận SWOT. Do đó, các chiến lược trên cần được đánh giá để chọn chiến lược khả thi nhất. Kết quả phân tích ma trận định lượng QSPM để lựa chọn và kết quả như sau:

Đối với nhóm chiến lược WO thì chiến lược được lựa chọn là chiến lược 3 (Phát triển cơ sở hạ tầng – kỹ thuật) với tổng số điểm hấp dẫn (TAS) là 131 điểm (Bảng 3).

Đối với nhóm chiến lược WT thì chiến lược được lựa chọn là chiến lược 5 (Phát triển nguồn nhân lực) với tổng số điểm hấp dẫn (TAS) là 136 điểm (Bảng 4).

Các chiến lược được lựa chọn sẽ được đề xuất các giải pháp thực hiện (Chiến lược 1, 2, 3, 5) còn các chiến lược 4 và chiến lược 6 còn lại cũng cần được chú ý phát triển khi có điều kiện.

Bảng 3. Bảng ma trận QSPM nhóm WO

	Mức độ ảnh hưởng	Chiến lược có thể thay thế			
		Chiến lược 3		Chiến lược 4	
		AS	TAS	AS	TAS
- Các yếu tố bên trong (IF)	2.5	27.6	69	24	60
- Các yếu tố bên ngoài (EF)	2.3	27	62	24	55
Tổng cộng			131		115

Bảng 4. Bảng ma trận QSPM nhóm WT

	Mức độ ảnh hưởng	Chiến lược có thể thay thế			
		Chiến lược 5		Chiến lược 6	
		AS	TAS	AS	TAS
- Các yếu tố bên trong (IF)	2.5	28	70	26.4	66
- Các yếu tố bên ngoài (EF)	2.3	29	66	25	58
Tổng cộng			136		124

3.3. Đề xuất giải pháp thực hiện các chiến lược được lựa chọn

Chiến lược 1: Phát triển du lịch thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá loại hình sản phẩm dịch vụ, du lịch

Giải pháp 1: Nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách nhanh chóng đưa bến tàu mé sông Ba Lai đã được xây dựng vào hoạt động đón khách

di chuyển bằng đường thủy, tăng cường công tác an ninh - an toàn cho du khách nhất là ở các khu trò chơi trên hồ trong khu nông trại.

Giải pháp 2: Đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, du lịch bằng cách phát triển các sản phẩm quà lưu niệm, sản phẩm thủ công mỹ nghệ được làm từ dừa với nhiều mẫu mã phong phú, độc đáo; Phát triển khu vực trồng trái cây, miệt vườn,

trồng thêm một số loại rau bông đặc sản phục vụ cho du khách tham quan, trải nghiệm thực tế và mua làm quà; Phát triển các trò chơi dân gian miền Tây Nam bộ (tát mương bắt cá, chài lưới bắt cá, thả diều...); Xây dựng thêm các đường mòn diễu giải trong phân khu phục hồi sinh thái để du khách có thể tham quan và tìm hiểu sự đa dạng, phong phú sinh vật tại khu BTTN sân chim Vàm Hồ.

Chiến lược 2: Quy hoạch tổng thể khu du lịch sinh thái

Giải pháp 1: Xác định khu vực ưu tiên cho phát triển DLD, hoàn thiện cơ chế, chính sách dịch vụ sản phẩm bằng cách xác định rõ các khu vực ưu tiên cho phát triển DLST; Cần có các biện pháp, chính sách khuyến khích đầu tư như hỗ trợ thông tin, kiến thức cho các doanh nghiệp du lịch; Có chính sách khuyến khích những dự án phát triển mang tính bền vững; Ban hành quy chế kinh doanh tại khu du lịch; Chính sách đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của cộng đồng địa phương; Chính sách thuế và giá cho thuê môi trường

Giải pháp 2: Nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý tại khu du lịch bằng cách thành lập đơn vị chuyên phụ trách DLST; Xây dựng các nội quy và quy chế hoạt động du lịch sinh thái; Lập kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho hoạt động du lịch (Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng hướng dẫn viên, kỹ năng giao tiếp với khách du lịch; Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng cáo về du lịch sinh thái, giáo dục môi trường).

Giải pháp 3: Xúc tiến quảng bá và tăng cường hợp tác đầu tư

Xúc tiến quảng bá: Thiết lập hệ thống văn phòng đẩy mạnh công tác tiếp thị và chuyên nghiệp hóa trung tâm xúc tiến du lịch, phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Bến Tre và các cơ quan du lịch ở TP Hồ Chí Minh; Thường xuyên tổ chức nhiều tour khảo sát các hãng lữ hành của nước ngoài để qua đó họ hiểu và đưa khu BTTN sân chim Vàm Hồ thành một trong những điểm đến du lịch được liên kết trong tour.

Tăng cường hợp tác đầu tư: Tranh thủ nguồn vốn từ chính phủ, các tổ chức có liên quan, từ địa phương và các cá nhân trong cộng đồng; Các dự án đầu tư nên ở vi mô nhỏ và vừa, mang tính địa phương, phù hợp với tính chất của du

lịch sinh thái, nguồn lực địa phương và hỗ trợ lại sự phát triển cộng đồng.

Giải pháp 4: Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch bằng cách ưu tiên thu hút lao động địa phương vào các hoạt động du lịch; Thực hiện các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức của người dân về đa dạng sinh học và các nội dung của công tác bảo tồn; Trợ giúp việc cải tạo vườn tạp sang phát triển các vườn cây ăn trái; Cho vay vốn để người dân cải tạo nhà cửa, tạo nguồn nước sạch, xây dựng các công trình vệ sinh, mua sắm phương tiện xe máy vận chuyển khách, cải tạo và nâng cấp nhà nghỉ qua đêm cho du khách.

Giải pháp 5: Quan tâm công tác quản lý và giáo dục môi trường. Ban quản lý cần thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ các hoạt động cũng như những hành vi bất cẩn của du khách gây tổn thất đến tài nguyên, môi trường, có biện pháp cụ thể và có hiệu quả để phòng cháy và chữa cháy rừng; Kiểm soát chặt chẽ các công trình kiến trúc xây dựng cho phù hợp với tính chất của du lịch sinh thái và không gây tác động xấu đến môi trường.

Công tác giáo dục môi trường cần được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi lúc mọi nơi và trên mọi phương tiện thông tin có thể. Cần có những hướng dẫn chi tiết cho các hoạt động của du khách, những việc nên tránh làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái như đốt lửa, xả rác bừa bãi,...

Chiến lược 3: Phát triển cơ sở hạ tầng – kỹ thuật

Giải pháp 1: Xây dựng mới và nâng cấp nhà nghỉ

Thiết kế xây dựng các loại cơ sở lưu trú cho phù hợp với loại hình du lịch sinh thái mang đặc trưng sinh hoạt của miền Tây Nam bộ để giữ được những nét văn hoá riêng, chú trọng đầu tư phát triển cơ sở ăn uống, nhà hàng, các cửa hàng, khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ chân, chòi nghỉ mát, nhà võng, ghé băng dài,... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Khi xây dựng cần được tính toán kỹ lưỡng, quy hoạch thận trọng, tôn trọng các nguyên tắc của du lịch sinh thái, giám sát, kiểm tra khi thi công và vận hành nhằm tránh những tác động xấu đến môi trường sinh thái của khu BTTN.

Giải pháp 2: Nâng cấp hoặc đầu tư mới các trang thiết bị phục vụ du lịch

Các hạng mục bao gồm: Đài quan sát, đường thủy tới khu du lịch; Xây dựng thêm các chòi quan sát gần các khu vực săn chim, máng dơi, động vật hoang dã để cho du khách được tự do khám phá đời sống và cách sinh hoạt của các loài chim mà không sợ làm động, gây ảnh hưởng đến tập tính sinh hoạt của chúng.

Chiến lược 4: Phát triển nguồn nhân lực

Giải pháp 1: Đào tạo cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ

Đào tạo cán bộ quản lý: Đào tạo nắm vững các kỹ năng về quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch; Hiểu rõ các chủ trương, chính sách của trung ương và địa phương có liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái ở khu BTTN săn chim Vàm Hồ; Nâng cao kinh nghiệm và kiến thức về xây dựng và tổ chức hoạt động du lịch và quản lý khách.

Đào tạo nhân lực làm hướng dẫn viên và nhân viên phục vụ: Thu hút nguồn nhân lực địa phương sẵn có tham gia vào hoạt động du lịch; Đào tạo về kỹ năng giao tiếp và phục vụ khách du lịch, nội dung hướng dẫn du khách, tuyên truyền, giáo dục môi trường và bảo tồn các cảnh quan tự nhiên, cách sử dụng các thiết bị chuyên dùng cho du lịch (máy ảnh, đài quan sát...) và các phương tiện vận chuyển du khách, cách bảo đảm an ninh, an toàn cho khách và các biện pháp cấp cứu, sơ cứu người bị nạn.

Giải pháp 2: Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nhân lực như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của hoạt động du lịch sinh thái; Có các chính sách đãi ngộ rõ ràng về lương, thưởng, làm thêm giờ hoặc cơ hội thăng tiến dành cho những người có năng lực và nhiệt tình trong công việc.

4. Kết luận

Du lịch ở khu BTTN săn chim Vàm Hồ còn mang tính chất của du lịch đại chúng, cần phải hướng du lịch tại đây theo hướng du lịch sinh thái đúng nghĩa và được phát triển trên cơ sở bảo tồn với những nguyên tắc và yêu cầu của phát triển DLST bền vững.

Triển vọng phát triển DLST ở BTTN săn chim Vàm Hồ là rất lớn mặc dù hiện tại việc phát triển đang ở giai đoạn bắt đầu, còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Căn cứ vào tình hình thực tế của khu BTTN và những phân tích thực tế từ những cơ sở khoa

học chuyên ngành quản trị chiến lược (phân tích IFE, EFE, SWOT, QSPM), nghiên cứu đã đề xuất những chiến lược và các giải pháp tương ứng cần thực hiện nhằm phát triển khu du lịch theo hướng du lịch sinh thái bảo đảm mục tiêu bảo tồn và bảo vệ môi trường.

Tài liệu tham khảo

- Công ty tư vấn Tài nguyên Du lịch (TRC) với sự hợp tác của Trung tâm VQG Việt Nam và các cộng sự, 2008. *Chiến lược Định hướng Phát triển Du lịch Bền vững tại Côn Đảo thời kỳ 2008 – 2012*.
- Lê Huy Bá và cộng sự, 2016. *Khảo sát và xây dựng khu du lịch sinh thái vườn chim Lập Điền, xã Long Điền Tây, Huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu*. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Ngọc Diệp, 2016. Số liệu du lịch và định hướng tỉnh Bến Tre: <http://thbt.vn/tin-tuc/nam-2016-nam-thanh-cong-cua-nganh-du-lich-ben-tre> [Truy cập: 15/6/2016]
- IUCN tại Việt Nam và SIDA, 2008. *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, một số kinh nghiệm và bài học quốc tế*.
- Phạm Xuân Lan, 2015. *Giáo trình quản trị chiến lược*. Trường Đại học Văn Hiến.
- Phạm Trung Lương, 2002. *Du lịch sinh thái – Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. Nxb Giáo Dục.
- Nguyễn Trọng Nhân và Lê Thông, 2011, Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp, *Tạp chí khoa học* 2011, Trường Đại học Cần Thơ, 18a, tr. 228-239.
- Nguyễn Ngọc Quang, 2009. *Tiềm năng của du lịch sinh thái tại các Khu bảo tồn của Việt Nam*. Viện Khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam.
- Châu Quang Thông, 2016. Các loài thực vật khu BTTN săn chim Vàm Hồ: <http://dost-bentre.gov.vn/TrangChu.aspx>. [Truy cập: 15/6/2016]
- TTXT du lịch Bến Tre, 2016. Hiện trạng săn chim tại khu BTTN săn chim Vàm Hồ: <http://www.vamvo.com/SanChimVamHoBenTre.aspx>. Ngày truy cập: 15/6/2016
- TTXT du lịch Bến Tre, 2016. Quá trình mở rộng diện tích săn chim Vàm Hồ tỉnh Bến Tre: <http://www.dulichbentre.com/dia-diem-du-lich/21-san-chim-vam-ho.html>. [Truy cập: 15/6/2016]
- Ngô Thanh Vũ, 2013. *Chiến lược phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang đến năm 2020*. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Nha Trang.